

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC PHẦN CỐT LÕI THAM GIA
ĐO LƯỜNG VÀ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KHÓA 13 VÀ 14, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(Kèm theo Thông báo số: *943* /TB-DCT ngày *10* tháng *9* năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã môn học	Mã tự quản	Tên môn học	Tín chỉ	Học phần cốt lõi CTĐT khóa 13ĐH	Học phần cốt lõi CTĐT khóa 14ĐH	Khoa chủ quản môn học	Ngành đào tạo
1	100905	03200015	Công nghệ CNC	3 (3,0)	x	x	Khoa Công nghệ Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy
2	000452	03200011	Chi tiết máy	3 (3,0)	x	x	Khoa Công nghệ Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy
3	100094	03200017	Kỹ thuật chế tạo 1	3 (3,0)	x	x	Khoa Công nghệ Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy
4	100927	03206001	Khóa luận tốt nghiệp	14 (0,14)	x	x	Khoa Công nghệ Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy
5	100104	03201007	Thực hành CAD/CAM	2 (0,2)		x	Khoa Công nghệ Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy
6	100926	03204001	Thực tập kỹ sư	8 (0,8)	x	x	Khoa Công nghệ Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy
7	100909	03204002	Thực tập tốt nghiệp	2 (0,2)	x	x	Khoa Công nghệ Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy
8	100916	03200031	Truyền động thủy lực và khí nén	3 (3,0)		x	Khoa Công nghệ Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy
9	100905	03200015	Công nghệ CNC	3 (3,0)		x	Khoa Công nghệ Cơ khí	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
10	000452	03200011	Chi tiết máy	3 (3,0)		x	Khoa Công nghệ Cơ khí	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
11	100907	03203003	Đồ án Cơ điện tử 1	1 (0,1)	x	x	Khoa Công nghệ Cơ khí	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
12	101796	03206002	Khóa luận tốt nghiệp (ngành CNKT CĐT)	14 (0,14)	x	x	Khoa Công nghệ Cơ khí	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
13	100910	03200042	Robot công nghiệp	3 (3,0)	x	x	Khoa Công nghệ Cơ khí	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
14	101794	03204004	Thực tập kỹ sư (ngành CNKT Cơ điện tử)	8 (0,8)	x	x	Khoa Công nghệ Cơ khí	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
15	100909	03204002	Thực tập tốt nghiệp	2 (0,2)	x	x	Khoa Công nghệ Cơ khí	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử

STT	Mã môn học	Mã tự quản	Tên môn học	Tín chỉ	Học phần cốt lõi CTĐT khóa 13ĐH	Học phần cốt lõi CTĐT khóa 14ĐH	Khoa chủ quản môn học	Ngành đào tạo
16	100916	03200031	Truyền động thủy lực và khí nén	3 (3,0)	x	x	Khoa Công nghệ Cơ khí	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
17	101694	03206430	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	2 (0,2)	x	x	Khoa Công nghệ Cơ khí	Kỹ thuật nhiệt
18	002574	03200415	Kỹ thuật lạnh cơ sở	2 (2,0)	x	x	Khoa Công nghệ Cơ khí	Kỹ thuật nhiệt
19	101801	03206003	Khóa luận tốt nghiệp (ngành Kỹ thuật Nhiệt)	14 (0,14)	x	x	Khoa Công nghệ Cơ khí	Kỹ thuật nhiệt
20	007637	03201414	Thực hành lạnh cơ bản	2 (0,2)		x	Khoa Công nghệ Cơ khí	Kỹ thuật nhiệt
21	101682	03201417	Thực hành lắp đặt, sửa chữa hệ thống lạnh dân dụng	3 (0,3)		x	Khoa Công nghệ Cơ khí	Kỹ thuật nhiệt
22	101693	03204429	Thực tập cử nhân	2 (0,2)	x	x	Khoa Công nghệ Cơ khí	Kỹ thuật nhiệt
23	100926	03204001	Thực tập kỹ sư	8 (0,8)	x	x	Khoa Công nghệ Cơ khí	Kỹ thuật nhiệt
24	006267	03200452	Truyền nhiệt	2 (2,0)	x	x	Khoa Công nghệ Cơ khí	Kỹ thuật nhiệt
25	100839	02203001	Đồ án 1	1 (0,1)		x	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
26	100845	02203002	Đồ án 2	1 (0,1)		x	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
27	100847	02203003	Đồ án chuyên ngành điện	2 (0,2)	x	x	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
28	100857	02203004	Đồ án chuyên ngành điện tử	2 (0,2)	x	x	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
29	100861	02206002	Khóa luận tốt nghiệp (ngành CNKT điện, điện tử)	14 (0,14)	x	x	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
30	005031	02201007	Thực hành điện tử công suất	1 (0,1)		x	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
31	100860	02204021	Thực tập kỹ sư (ngành CNKT điện, điện tử)	8 (0,8)	x	x	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
32	100846	02204020	Thực tập tốt nghiệp (ngành CNKT điện, điện tử)	2 (0,2)	x	x	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
33	100839	02203001	Đồ án 1	1 (0,1)		x	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
34	100845	02203002	Đồ án 2	1 (0,1)	x	x	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
35	100865	02203005	Đồ án tự động hóa - điều khiển	2 (0,2)	x	x	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

STT	Mã môn học	Mã tự quản	Tên môn học	Tín chỉ	Học phần cốt lõi CTĐT khóa 13ĐH	Học phần cốt lõi CTĐT khóa 14ĐH	Khoa chủ quản môn học	Ngành đào tạo
36	101778	02206001	Khóa luận tốt nghiệp (ngành CNKT ĐK và TĐH)	14 (0,14)	x	x	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
37	005031	02201007	Thực hành điện tử công suất	1 (0,1)		x	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
38	005040	02201094	Thực hành điều khiển tự động	2 (0,2)	x	x	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
39	101777	02204023	Thực tập kỹ sư (ngành CNKT ĐK và TĐH)	8 (0,8)	x	x	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
40	101776	02204022	Thực tập tốt nghiệp (ngành CNKT ĐK và TĐH)	2 (0,2)	x	x	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
41	101241	04200028	Các hệ thống kiểm soát và quản lý chất lượng	2 (2,0)		x	Khoa Công nghệ Hoá học	Công nghệ kỹ thuật hóa học
42	101242	04200023	Các phương pháp phân tích hiện đại	3 (3,0)		x	Khoa Công nghệ Hoá học	Công nghệ kỹ thuật hóa học
43	101246	04203034	Đồ án chuyên ngành	2 (0,2)	x	x	Khoa Công nghệ Hoá học	Công nghệ kỹ thuật hóa học
44	001505	04203029	Đồ án quá trình và thiết bị	1 (0,1)	x	x	Khoa Công nghệ Hoá học	Công nghệ kỹ thuật hóa học
45	101329	04206142	Khóa luận tốt nghiệp	14 (0,14)	x	x	Khoa Công nghệ Hoá học	Công nghệ kỹ thuật hóa học
46	101256	04200030	Thiết kế chế tạo thiết bị hóa chất và thực phẩm	2 (2,0)	x	x	Khoa Công nghệ Hoá học	Công nghệ kỹ thuật hóa học
47	101328	04204141	Thực tập kỹ sư	8 (0,8)	x	x	Khoa Công nghệ Hoá học	Công nghệ kỹ thuật hóa học
48	101261	04204032	Thực tập tốt nghiệp	2 (0,2)	x	x	Khoa Công nghệ Hoá học	Công nghệ kỹ thuật hóa học
49	101277	10203039	Đồ án công nghệ may	2 (0,2)		x	Khoa Công nghệ May và Thời trang	Công nghệ dệt, may
50	007332	10203041	Đồ án chuyên ngành	2 (0,2)	x	x	Khoa Công nghệ May và Thời trang	Công nghệ dệt, may
51	100126	10203080	Đồ án thiết kế thời trang	2 (0,2)		x	Khoa Công nghệ May và Thời trang	Công nghệ dệt, may
52	002169	10206062	Khóa luận tốt nghiệp (chuyên ngành công nghệ may)	14 (0,14)	x	x	Khoa Công nghệ May và Thời trang	Công nghệ dệt, may
53	101276	10200037	Quản lý chất lượng trong ngành may	2 (2,0)	x	x	Khoa Công nghệ May và Thời trang	Công nghệ dệt, may
54	100124	10200038	Quản lý đơn hàng may mặc	2 (2,0)	x	x	Khoa Công nghệ May và Thời trang	Công nghệ dệt, may
55	101280	10200060	Sản xuất may mặc bền vững	2 (2,0)	x	x	Khoa Công nghệ May và Thời trang	Công nghệ dệt, may

STT	Mã môn học	Mã tự quản	Tên môn học	Tín chỉ	Học phần cốt lõi CTĐT khóa 13ĐH	Học phần cốt lõi CTĐT khóa 14ĐH	Khoa chủ quản môn học	Ngành đào tạo
56	101281	10204061	Thực tập kỹ sư	8 (0,8)	x	x	Khoa Công nghệ May và Thời trang	Công nghệ dệt, may
57	102171	10204042	Thực tập tốt nghiệp (CN Dệt, May)	2 (0,2)	x	x	Khoa Công nghệ May và Thời trang	Công nghệ dệt, may
58	101596	10203122	Đồ án phát triển và tiếp thị sản phẩm thời trang	2 (0,2)	x	x	Khoa Công nghệ May và Thời trang	Kinh doanh thời trang và dệt may
59	101595	10203121	Đồ án thiết kế mô hình cửa hàng thời trang	2 (0,2)	x	x	Khoa Công nghệ May và Thời trang	Kinh doanh thời trang và dệt may
60	007331	10206126	Khóa luận tốt nghiệp	8 (0,8)	x	x	Khoa Công nghệ May và Thời trang	Kinh doanh thời trang và dệt may
61	101589	10202115	Phát triển dòng sản phẩm thời trang và dệt may	3 (2,1)		x	Khoa Công nghệ May và Thời trang	Kinh doanh thời trang và dệt may
62	101587	10202113	Phát triển và quản lý đơn hàng	3 (2,1)		x	Khoa Công nghệ May và Thời trang	Kinh doanh thời trang và dệt may
63	101599	10204125	Thực tập nghề nghiệp	7 (0,7)	x	x	Khoa Công nghệ May và Thời trang	Kinh doanh thời trang và dệt may
64	101985	01200074	An toàn mạng máy tính	2 (2,0)	x	x	Khoa Công nghệ Thông tin	An toàn thông tin
65	102008	01206065	Khóa luận cử nhân	4 (0,4)	x	x	Khoa Công nghệ Thông tin	An toàn thông tin
66	102012	01206081	Khóa luận kỹ sư	14 (0,14)	x	x	Khoa Công nghệ Thông tin	An toàn thông tin
67	101967	01202048	Mã hóa và ứng dụng	3 (1,2)		x	Khoa Công nghệ Thông tin	An toàn thông tin
68	101973	01200154	Quản trị hệ thống mạng	3 (3,0)		x	Khoa Công nghệ Thông tin	An toàn thông tin
69	101986	01201075	Thực hành an toàn mạng máy tính	2 (0,2)	x	x	Khoa Công nghệ Thông tin	An toàn thông tin
70	101015	01204080	Thực tập kỹ sư	8 (0,8)	x	x	Khoa Công nghệ Thông tin	An toàn thông tin
71	102007	01204064	Thực tập nghề nghiệp	2 (0,2)	x	x	Khoa Công nghệ Thông tin	An toàn thông tin
72	101968	01202049	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3 (1,2)		x	Khoa Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin
73	101970	01200056	Khai phá dữ liệu	3 (3,0)		x	Khoa Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin
74	102008	01206065	Khóa luận cử nhân	4 (0,4)	x	x	Khoa Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin
75	102012	01206081	Khóa luận kỹ sư	14 (0,14)	x	x	Khoa Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin

STT	Mã môn học	Mã tự quản	Tên môn học	Tín chỉ	Học phần cốt lõi CTĐT khóa 13ĐH	Học phần cốt lõi CTĐT khóa 14ĐH	Khoa chủ quản môn học	Ngành đào tạo
76	002921	01202607	Lập trình web	3 (1,2)	x	x	Khoa Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin
77	101973	01200154	Quản trị hệ thống mạng	3 (3,0)	x	x	Khoa Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin
78	101015	01204080	Thực tập kỹ sư	8 (0,8)	x	x	Khoa Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin
79	102007	01204064	Thực tập nghề nghiệp	2 (0,2)	x	x	Khoa Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin
80	102545	01203724	Đồ án kỹ sư	3 (0,3)		x	Khoa Công nghệ Thông tin	Khoa học dữ liệu
81	101036	01200080	Học máy	3 (3,0)		x	Khoa Công nghệ Thông tin	Khoa học dữ liệu
82	102558	01200709	Kỹ thuật phân tích dữ liệu	2 (2,0)		x	Khoa Công nghệ Thông tin	Khoa học dữ liệu
83	102534	01206718	Khóa luận tốt nghiệp	6 (0,6)		x	Khoa Công nghệ Thông tin	Khoa học dữ liệu
84	102557	15202040	Thống kê Bayes	3 (2,1)		x	Khoa Khoa học Ứng dụng	Khoa học dữ liệu
85	102559	01201710	Thực hành Kỹ thuật phân tích dữ liệu	2 (0,2)		x	Khoa Công nghệ Thông tin	Khoa học dữ liệu
86	101015	01204080	Thực tập kỹ sư	8 (0,8)		x	Khoa Công nghệ Thông tin	Khoa học dữ liệu
87	102533	01204717	Thực tập tốt nghiệp	4 (0,4)		x	Khoa Công nghệ Thông tin	Khoa học dữ liệu
88	102076	05200224	Công nghệ chế biến lạnh đông thủy sản	2 (2,0)		x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Công nghệ chế biến thủy sản
89	101268	06203032	Đồ án chuyên ngành công nghệ chế biến thủy sản	1 (0,1)	x	x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Công nghệ chế biến thủy sản
90	101313	06206038	Khóa luận tốt nghiệp	14 (0,14)	x	x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Công nghệ chế biến thủy sản
91	004965	06201019	Thực hành công nghệ sản xuất đồ hộp thủy sản	1 (0,1)	x	x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Công nghệ chế biến thủy sản
92	101052	06201011	Thực hành phân tích và đánh giá chất lượng sản phẩm thủy sản 1	2 (0,2)		x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Công nghệ chế biến thủy sản
93	102098	05204236	Thực tập kỹ sư 1 (CNCBTS)	3 (0,3)	x	x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Công nghệ chế biến thủy sản
94	102099	05204237	Thực tập kỹ sư 2 (CNCBTS)	3 (0,3)	x	x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Công nghệ chế biến thủy sản
95	005887	06204018	Thực tập tốt nghiệp	2 (0,2)	x	x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Công nghệ chế biến thủy sản

10 1 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33 34 35 36 37 38 39 40 41 42 43 44 45 46 47 48 49 50 51 52 53 54 55 56 57 58 59 60 61 62 63 64 65 66 67 68 69 70 71 72 73 74 75 76 77 78 79 80 81 82 83 84 85 86 87 88 89 90 91 92 93 94 95 96 97 98 99 100 101 102 103 104 105 106 107 108 109 110 111 112 113 114 115 116 117 118 119 120 121 122 123 124 125 126 127 128 129 130 131 132 133 134 135 136 137 138 139 140 141 142 143 144 145 146 147 148 149 150 151 152 153 154 155 156 157 158 159 160 161 162 163 164 165 166 167 168 169 170 171 172 173 174 175 176 177 178 179 180 181 182 183 184 185 186 187 188 189 190 191 192 193 194 195 196 197 198 199 200 201 202 203 204 205 206 207 208 209 210 211 212 213 214 215 216 217 218 219 220 221 222 223 224 225 226 227 228 229 230 231 232 233 234 235 236 237 238 239 240 241 242 243 244 245 246 247 248 249 250 251 252 253 254 255 256 257 258 259 260 261 262 263 264 265 266 267 268 269 270 271 272 273 274 275 276 277 278 279 280 281 282 283 284 285 286 287 288 289 290 291 292 293 294 295 296 297 298 299 300 301 302 303 304 305 306 307 308 309 310 311 312 313 314 315 316 317 318 319 320 321 322 323 324 325 326 327 328 329 330 331 332 333 334 335 336 337 338 339 340 341 342 343 344 345 346 347 348 349 350 351 352 353 354 355 356 357 358 359 360 361 362 363 364 365 366 367 368 369 370 371 372 373 374 375 376 377 378 379 380 381 382 383 384 385 386 387 388 389 390 391 392 393 394 395 396 397 398 399 400 401 402 403 404 405 406 407 408 409 410 411 412 413 414 415 416 417 418 419 420 421 422 423 424 425 426 427 428 429 430 431 432 433 434 435 436 437 438 439 440 441 442 443 444 445 446 447 448 449 450 451 452 453 454 455 456 457 458 459 460 461 462 463 464 465 466 467 468 469 470 471 472 473 474 475 476 477 478 479 480 481 482 483 484 485 486 487 488 489 490 491 492 493 494 495 496 497 498 499 500 501 502 503 504 505 506 507 508 509 510 511 512 513 514 515 516 517 518 519 520 521 522 523 524 525 526 527 528 529 530 531 532 533 534 535 536 537 538 539 540 541 542 543 544 545 546 547 548 549 550 551 552 553 554 555 556 557 558 559 560 561 562 563 564 565 566 567 568 569 570 571 572 573 574 575 576 577 578 579 580 581 582 583 584 585 586 587 588 589 590 591 592 593 594 595 596 597 598 599 600 601 602 603 604 605 606 607 608 609 610 611 612 613 614 615 616 617 618 619 620 621 622 623 624 625 626 627 628 629 630 631 632 633 634 635 636 637 638 639 640 641 642 643 644 645 646 647 648 649 650 651 652 653 654 655 656 657 658 659 660 661 662 663 664 665 666 667 668 669 670 671 672 673 674 675 676 677 678 679 680 681 682 683 684 685 686 687 688 689 690 691 692 693 694 695 696 697 698 699 700 701 702 703 704 705 706 707 708 709 710 711 712 713 714 715 716 717 718 719 720 721 722 723 724 725 726 727 728 729 730 731 732 733 734 735 736 737 738 739 740 741 742 743 744 745 746 747 748 749 750 751 752 753 754 755 756 757 758 759 760 761 762 763 764 765 766 767 768 769 770 771 772 773 774 775 776 777 778 779 780 781 782 783 784 785 786 787 788 789 790 791 792 793 794 795 796 797 798 799 800 801 802 803 804 805 806 807 808 809 810 811 812 813 814 815 816 817 818 819 820 821 822 823 824 825 826 827 828 829 830 831 832 833 834 835 836 837 838 839 840 841 842 843 844 845 846 847 848 849 850 851 852 853 854 855 856 857 858 859 860 861 862 863 864 865 866 867 868 869 870 871 872 873 874 875 876 877 878 879 880 881 882 883 884 885 886 887 888 889 890 891 892 893 894 895 896 897 898 899 900 901 902 903 904 905 906 907 908 909 910 911 912 913 914 915 916 917 918 919 920 921 922 923 924 925 926 927 928 929 930 931 932 933 934 935 936 937 938 939 940 941 942 943 944 945 946 947 948 949 950 951 952 953 954 955 956 957 958 959 960 961 962 963 964 965 966 967 968 969 970 971 972 973 974 975 976 977 978 979 980 981 982 983 984 985 986 987 988 989 990 991 992 993 994 995 996 997 998 999 1000

mo

STT	Mã môn học	Mã tự quản	Tên môn học	Tín chỉ	Học phần cốt lõi CTĐT khóa 13ĐH	Học phần cốt lõi CTĐT khóa 14ĐH	Khoa chủ quản môn học	Ngành đào tạo
96	100216	05203114	Đồ án phát triển sản phẩm thực phẩm	1 (0,1)	x	x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Công nghệ thực phẩm
97	102021	05202183	Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP)	2 (1,1)		x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Công nghệ thực phẩm
98	100879	05206151	Khóa luận tốt nghiệp	14 (0,14)	x	x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Công nghệ thực phẩm
99	101091	05201159	Thí nghiệm phân tích hóa lý thực phẩm 1	2 (0,2)		x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Công nghệ thực phẩm
100	101089	05201157	Thí nghiệm phân tích vi sinh thực phẩm 1	1 (0,1)	x	x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Công nghệ thực phẩm
101	005005	05201012	Thực hành đánh giá cảm quan thực phẩm	1 (0,1)		x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Công nghệ thực phẩm
102	100220	05201113	Thực hành thiết kế và kiểm tra bao bì thực phẩm	1 (0,1)	x	x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Công nghệ thực phẩm
103	102094	05204232	Thực tập kỹ sư 1 (CNTP)	3 (0,3)	x	x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Công nghệ thực phẩm
104	102095	05204233	Thực tập kỹ sư 2 (CNTP)	3 (0,3)	x	x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Công nghệ thực phẩm
105	100875	05204146	Thực tập tốt nghiệp	2 (0,2)	x	x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Công nghệ thực phẩm
106	102038	05203218	Đồ án phân tích thực phẩm	1 (0,1)	x	x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
107	102039	05203198	Đồ án quản lý chất lượng thực phẩm	1 (0,1)	x	x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
108	102021	05202183	Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP)	2 (1,1)		x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
109	101800	05206165	Khóa luận tốt nghiệp (ngành ĐBCL&ATTP)	14 (0,14)	x	x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
110	102027	05202187	Quản lý chất lượng thực phẩm 2	2 (1,1)	x	x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
111	102096	05204234	Thực tập kỹ sư 1 (ĐBCL và ATTP)	3 (0,3)	x	x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
112	102097	05204235	Thực tập kỹ sư 2 (ĐBCL và ATTP)	3 (0,3)	x	x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
113	103162	05204302	Thực tập tốt nghiệp	2 (0,2)	x	x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
114	102035	05207208	Chuyên đề quản trị nhà máy thực phẩm	2 (0,2)	x	x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Quản trị kinh doanh thực phẩm
115	102046	05207207	Dự án phát triển sản phẩm	2 (0,2)	x	x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Quản trị kinh doanh thực phẩm

STT	Mã môn học	Mã tự quản	Tên môn học	Tin chỉ	Học phần cốt lõi CTĐT khóa 13ĐH	Học phần cốt lõi CTĐT khóa 14ĐH	Khoa chủ quản môn học	Ngành đào tạo
116	002177	05206166	Khóa luận tốt nghiệp	8 (0,8)	x	x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Quản trị kinh doanh thực phẩm
117	100876	05200149	Quản lý nhà máy thực phẩm	2 (2,0)	x	x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Quản trị kinh doanh thực phẩm
118	102109	13202083	Quản trị kinh doanh quốc tế	2 (1,1)		x	Khoa Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh thực phẩm
119	003961	13202041	Quản trị nguồn nhân lực	3 (2,1)		x	Khoa Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh thực phẩm
120	100875	05204146	Thực tập tốt nghiệp	2 (0,2)	x	x	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Quản trị kinh doanh thực phẩm
121	101121	07200412	Ẩm thực Á	2 (2,0)	x	x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Khoa học chế biến món ăn
122	101152	07203226	Đồ án học phần kỹ thuật chế biến món ăn	2 (0,2)	x		Khoa Du lịch và Ẩm thực	Khoa học chế biến món ăn
123	102061	07202253	Kỹ năng giám sát bộ phận chế biến món ăn	3 (2,1)		x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Khoa học chế biến món ăn
124	101803	07206236	Khóa luận tốt nghiệp ngành Khoa học chế biến món ăn	14 (0,14)	x	x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Khoa học chế biến món ăn
125	101175	07200221	Nghệ vụ làm bánh Âu - Á	2 (2,0)		x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Khoa học chế biến món ăn
126	101190	07200225	Quản trị tác nghiệp và vận hành bộ phận chế biến món ăn	3 (3,0)	x	x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Khoa học chế biến món ăn
127	100077	07204228	Thực tập tốt nghiệp ngành Khoa học chế biến món ăn	3 (0,3)	x	x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Khoa học chế biến món ăn
128	101141	07200118	Dinh dưỡng theo vòng đời	2 (2,0)		x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực
129	101148	07202110	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng	3 (2,1)	x	x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực
130	101153	07203116	Đồ án học phần khoa học dinh dưỡng	1 (0,1)	x	x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực
131	101166	07206131	Khóa luận tốt nghiệp ngành Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực	14 (0,14)	x	x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực
132	101193	07200102	Sinh lý tiêu hóa, hấp thu và chuyển hóa các chất dinh dưỡng	3 (3,0)		x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực
133	101213	07204130	Thực tập kỹ sư ngành Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực	8 (0,8)	x	x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực
134	101222	07204637	Thực tập tốt nghiệp	2 (0,2)	x	x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực
135	101229	07200109	Xây dựng khẩu phần dinh dưỡng	2 (2,0)	x	x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực

STT	Mã môn học	Mã tự quản	Tên môn học	Tín chỉ	Học phần cốt lõi CTĐT khóa 13ĐH	Học phần cốt lõi CTĐT khóa 14ĐH	Khoa chủ quản môn học	Ngành đào tạo
136	101116	07202619	Anh văn chuyên ngành 2	2 (1,1)	x	x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
137	102070	07202646	Bán hàng trong du lịch	2 (1,1)		x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
138	101167	07206638	Khóa luận tốt nghiệp ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8 (0,8)	x	x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
139	102068	07202644	Lập kế hoạch kinh doanh dịch vụ du lịch - lữ hành	2 (1,1)	x	x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
140	003345	07200624	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2 (2,0)		x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
141	102069	07202645	Thiết kế và điều hành tour	3 (2,1)		x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
142	102140	07204123	Thực tập tốt nghiệp ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2 (0,2)	x	x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
143	101126	07200411	Bán hàng và dịch vụ khách hàng ngành du lịch	3 (3,0)	x	x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Quản trị khách sạn
144	101168	07206429	Khóa luận tốt nghiệp ngành Quản trị khách sạn	8 (0,8)	x	x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Quản trị khách sạn
145	102059	07200447	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	3 (3,0)		x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Quản trị khách sạn
146	101186	07202417	Quản trị F&B	3 (2,1)	x	x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Quản trị khách sạn
147	101192	07200416	Quản trị tiền sảnh	3 (3,0)		x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Quản trị khách sạn
148	101223	07204428	Thực tập tốt nghiệp ngành Quản trị khách sạn	2 (0,2)	x	x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Quản trị khách sạn
149	101169	07206438	Khóa luận tốt nghiệp ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	8 (0,8)	x	x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống
150	102059	07200447	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	3 (3,0)	x	x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống
151	101186	07202417	Quản trị F&B	3 (2,1)	x	x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống
152	102057	07200448	Quản trị nguồn nhân lực du lịch	3 (3,0)		x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống
153	101231	07202404	Tổ chức sự kiện	2 (1,1)		x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống
154	102141	07204437	Thực tập tốt nghiệp ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	2 (0,2)	x	x	Khoa Du lịch và Ẩm thực	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống
155	100714	18206068	Khóa luận tốt nghiệp	8 (0,8)	x	x	Khoa Luật	Luật kinh tế

STT	Mã môn học	Mã tự quản	Tên môn học	Tín chỉ	Học phần cốt lõi CTĐT khóa 13ĐH	Học phần cốt lõi CTĐT khóa 14ĐH	Khoa chủ quản môn học	Ngành đào tạo
156	100689	18200037	Luật sở hữu trí tuệ	2 (2,0)		x	Khoa Luật	Luật kinh tế
157	100683	18200034	Luật tố tụng dân sự	2 (2,0)	x	x	Khoa Luật	Luật kinh tế
158	100691	18202046	Pháp luật chủ thể kinh doanh và phá sản	3 (2,1)		x	Khoa Luật	Luật kinh tế
159	100692	18202047	Pháp luật thương mại hàng hóa, dịch vụ	3 (2,1)	x	x	Khoa Luật	Luật kinh tế
160	102161	18204072	Thực tập tốt nghiệp	7 (0,7)	x	x	Khoa Luật	Luật kinh tế
161	007381	14200024	Kỹ năng tổng hợp 2	2 (2,0)	x	x	Khoa Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh
162	102122	14206052	Khóa luận tốt nghiệp (Ngôn ngữ Anh)	8 (0,8)	x	x	Khoa Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh
163	007837	14200036	Phiên dịch	3 (3,0)	x	x	Khoa Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh
164	007829	14200021	Tiếng Anh Thương mại 2	3 (3,0)		x	Khoa Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh
165	007838	14200023	Thư tín thương mại	3 (3,0)		x	Khoa Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh
166	102121	14204051	Thực tập tốt nghiệp cuối khóa (Ngôn ngữ Anh)	7 (0,7)	x	x	Khoa Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh
167	102130	14201147	Biên dịch thương mại	2 (0,2)	x	x	Khoa Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Trung Quốc
168	100980	14202165	Giao tiếp thương mại 2	3 (2,1)		x	Khoa Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Trung Quốc
169	102107	14206151	Khóa luận tốt nghiệp (Ngôn ngữ Trung Quốc)	8 (0,8)	x	x	Khoa Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Trung Quốc
170	100956	14202118	Ngữ pháp tiếng Trung	3 (2,1)		x	Khoa Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Trung Quốc
171	102132	14201149	Phiên dịch thương mại	2 (0,2)	x	x	Khoa Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Trung Quốc
172	102106	14204150	Thực tập tốt nghiệp (Ngôn ngữ Trung Quốc)	7 (0,7)	x	x	Khoa Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Trung Quốc
173	100982	14202117	Viết văn tiếng Trung 2	3 (2,1)		x	Khoa Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Trung Quốc
174	101028	13202026	Đầu tư quốc tế	3 (2,1)		x	Khoa Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
175	006879	13205051	Kiến tập	2 (0,2)	x	x	Khoa Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế

STT	Mã môn học	Mã tự quản	Tên môn học	Tín chỉ	Học phần cốt lõi CTĐT khóa 13ĐH	Học phần cốt lõi CTĐT khóa 14ĐH	Khoa chủ quản môn học	Ngành đào tạo
176	006884	13206055	Khoá luận tốt nghiệp (KDQT)	8 (0,8)	x	x	Khoa Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
177	100659	13202042	Quản trị rủi ro kinh doanh quốc tế	3 (2,1)		x	Khoa Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
178	100049	13202045	Quản trị xuất nhập khẩu	3 (2,1)	x	x	Khoa Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
179	102163	13204053	Thực tập nghề nghiệp (KDQT)	5 (0,5)	x	x	Khoa Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
180	007133	13205052	Kiến tập	2 (0,2)	x	x	Khoa Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
181	002144	13206056	Khoá luận tốt nghiệp (QTKD)	8 (0,8)	x	x	Khoa Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
182	002886	13202030	Lập kế hoạch kinh doanh	3 (2,1)	x	x	Khoa Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
183	003898	13202036	Quản trị chiến lược	3 (2,1)		x	Khoa Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
184	003961	13202041	Quản trị nguồn nhân lực	3 (2,1)		x	Khoa Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
185	007030	13204054	Thực tập nghề nghiệp (QTKD)	5 (0,5)	x	x	Khoa Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
186	101320	09203108	Đồ án chuyên ngành	6 (0,6)	x	x	Khoa Sinh học và Môi trường	Công nghệ kỹ thuật môi trường
187	101325	09206115	Đồ án tốt nghiệp	14 (0,14)	x	x	Khoa Sinh học và Môi trường	Công nghệ kỹ thuật môi trường
188	007977	09200101	Kỹ thuật xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	3 (3,0)	x	x	Khoa Sinh học và Môi trường	Công nghệ kỹ thuật môi trường
189	101318	09200102	Kỹ thuật xử lý khí thải và kiểm soát tiếng ồn	3 (3,0)		x	Khoa Sinh học và Môi trường	Công nghệ kỹ thuật môi trường
190	007892	09200099	Kỹ thuật xử lý nước cấp	2 (2,0)		x	Khoa Sinh học và Môi trường	Công nghệ kỹ thuật môi trường
191	004651	09200042	Thiết kế hệ thống xử lý chất thải	2 (2,0)	x	x	Khoa Sinh học và Môi trường	Công nghệ kỹ thuật môi trường
192	101324	09204114	Thực tập kỹ sư	8 (0,8)	x	x	Khoa Sinh học và Môi trường	Công nghệ kỹ thuật môi trường
193	101319	09204107	Thực tập tốt nghiệp	3 (0,3)	x	x	Khoa Sinh học và Môi trường	Công nghệ kỹ thuật môi trường
194	000861	09200222	Công nghệ enzyme	3 (3,0)		x	Khoa Sinh học và Môi trường	Công nghệ sinh học
195	000910	09200225	Công nghệ lên men	3 (3,0)		x	Khoa Sinh học và Môi trường	Công nghệ sinh học

STT	Mã môn học	Mã tự quản	Tên môn học	Tín chỉ	Học phần cốt lõi CTĐT khóa 13ĐH	Học phần cốt lõi CTĐT khóa 14ĐH	Khoa chủ quản môn học	Ngành đào tạo
196	001005	09200234	Công nghệ sản xuất chế phẩm sinh học	2 (2,0)	x	x	Khoa Sinh học và Môi trường	Công nghệ sinh học
197	101789	09200258	Công nghệ sản xuất sinh dược	3 (3,0)	x	x	Khoa Sinh học và Môi trường	Công nghệ sinh học
198	007025	09200240	Công nghệ sinh học thực vật	2 (2,0)	x	x	Khoa Sinh học và Môi trường	Công nghệ sinh học
199	100898	08206095	Đồ án chuyên ngành	2 (0,2)	x	x	Khoa Sinh học và Môi trường	Công nghệ sinh học
200	002429	09200227	Kỹ thuật các quá trình sinh học	3 (3,0)	x	x	Khoa Sinh học và Môi trường	Công nghệ sinh học
201	100901	08206098	Khóa luận tốt nghiệp	14 (0,14)	x	x	Khoa Sinh học và Môi trường	Công nghệ sinh học
202	100900	08204097	Thực tập kỹ sư	8 (0,8)	x	x	Khoa Sinh học và Môi trường	Công nghệ sinh học
203	100897	08204094	Thực tập tốt nghiệp	2 (0,2)	x	x	Khoa Sinh học và Môi trường	Công nghệ sinh học
204	100382	09200073	Đánh giá tác động và rủi ro môi trường	3 (3,0)		x	Khoa Sinh học và Môi trường	Quản lý tài nguyên và môi trường
205	101107	09203078	Đồ án chuyên ngành 1	2 (0,2)	x	x	Khoa Sinh học và Môi trường	Quản lý tài nguyên và môi trường
206	101108	09203079	Đồ án chuyên ngành 2	2 (0,2)	x	x	Khoa Sinh học và Môi trường	Quản lý tài nguyên và môi trường
207	100401	09206085	Khóa luận tốt nghiệp	8 (0,8)	x	x	Khoa Sinh học và Môi trường	Quản lý tài nguyên và môi trường
208	101104	09200069	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	3 (3,0)		x	Khoa Sinh học và Môi trường	Quản lý tài nguyên và môi trường
209	101110	09204084	Thực tập tốt nghiệp	5 (0,5)	x	x	Khoa Sinh học và Môi trường	Quản lý tài nguyên và môi trường
210	102227	12206099	Khóa luận tốt nghiệp cho ngành Fintech	8 (0,8)		x	Khoa Tài chính - Kế toán	Công nghệ tài chính
211	101019	12202028	Phân tích dữ liệu cho tài chính và kế toán	2 (1,1)		x	Khoa Tài chính - Kế toán	Công nghệ tài chính
212	007960	12202058	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3 (2,1)		x	Khoa Tài chính - Kế toán	Công nghệ tài chính
213	004175	12200064	Tài chính doanh nghiệp 1	3 (3,0)		x	Khoa Tài chính - Kế toán	Công nghệ tài chính
214	102226	12204100	Thực tập tốt nghiệp cho ngành Fintech	7 (0,7)		x	Khoa Tài chính - Kế toán	Công nghệ tài chính
215	102220	12202092	Ứng dụng phần mềm tài chính	2 (1,1)		x	Khoa Tài chính - Kế toán	Công nghệ tài chính

STT	Mã môn học	Mã tự quản	Tên môn học	Tín chỉ	Học phần cốt lõi CTĐT khóa 13ĐH	Học phần cốt lõi CTĐT khóa 14ĐH	Khoa chủ quản môn học	Ngành đào tạo
216	101020	12201030	Kế toán mô phỏng 1	2 (0,2)	x	x	Khoa Tài chính - Kế toán	Kế toán
217	002069	12202015	Kế toán tài chính 2	3 (2,1)		x	Khoa Tài chính - Kế toán	Kế toán
218	002174	12206051	Khóa luận tốt nghiệp Kế toán	8 (0,8)	x	x	Khoa Tài chính - Kế toán	Kế toán
219	101019	12202028	Phân tích dữ liệu cho tài chính và kế toán	2 (1,1)	x	x	Khoa Tài chính - Kế toán	Kế toán
220	004175	12200064	Tài chính doanh nghiệp 1	3 (3,0)		x	Khoa Tài chính - Kế toán	Kế toán
221	005891	12204050	Thực tập tốt nghiệp Kế toán	7 (0,7)	x	x	Khoa Tài chính - Kế toán	Kế toán
222	002175	12206083	Khóa luận tốt nghiệp Tài chính - Ngân hàng	8 (0,8)	x	x	Khoa Tài chính - Kế toán	Tài chính - Ngân hàng
223	003356	12200055	Ngân hàng thương mại 1	3 (3,0)		x	Khoa Tài chính - Kế toán	Tài chính - Ngân hàng
224	101019	12202028	Phân tích dữ liệu cho tài chính và kế toán	2 (1,1)	x	x	Khoa Tài chính - Kế toán	Tài chính - Ngân hàng
225	007960	12202058	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3 (2,1)	x	x	Khoa Tài chính - Kế toán	Tài chính - Ngân hàng
226	004175	12200064	Tài chính doanh nghiệp 1	3 (3,0)		x	Khoa Tài chính - Kế toán	Tài chính - Ngân hàng
227	005889	12204082	Thực tập tốt nghiệp Tài chính - Ngân hàng	7 (0,7)	x	x	Khoa Tài chính - Kế toán	Tài chính - Ngân hàng
228	102115	19205074	Kiến tập (Marketing)	2 (0,2)	x	x	Khoa Thương mại	Marketing
229	002341	13200004	Kinh tế vi mô	3 (3,0)		x	Khoa Quản trị kinh doanh	Marketing
230	102113	19206076	Khóa luận tốt nghiệp (Marketing)	8 (0,8)	x	x	Khoa Thương mại	Marketing
231	101757	19202067	Marketing kỹ thuật số	3 (2,1)		x	Khoa Thương mại	Marketing
232	102114	19204055	Thực tập nghề nghiệp (Marketing)	5 (0,5)	x	x	Khoa Thương mại	Marketing
233	101761	19202073	Xây dựng kế hoạch Marketing	3 (2,1)	x	x	Khoa Thương mại	Marketing
234	102185	19205075	Kiến tập (Thương mại điện tử)	2 (0,2)		x	Khoa Thương mại	Thương mại điện tử
235	002341	13200004	Kinh tế vi mô	3 (3,0)		x	Khoa Quản trị kinh doanh	Thương mại điện tử

STT	Mã môn học	Mã tự quản	Tên môn học	Tín chỉ	Học phần cốt lõi CTĐT khóa 13ĐH	Học phần cốt lõi CTĐT khóa 14ĐH	Khoa chủ quản môn học	Ngành đào tạo
236	102187	19206077	Khóa luận tốt nghiệp (Thương mại điện tử)	8 (0,8)		x	Khoa Thương mại	Thương mại điện tử
237	102180	19202061	Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử	3 (2,1)		x	Khoa Thương mại	Thương mại điện tử
238	102186	19204057	Thực tập nghề nghiệp (Thương mại điện tử)	5 (0,5)		x	Khoa Thương mại	Thương mại điện tử
239	102173	19202080	Thương mại điện tử	3 (2,1)		x	Khoa Thương mại	Thương mại điện tử


